

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/KDTM-ST
Ngày 21 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết Mai
2. Bà Bùi Thị Thu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Văn Toán – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên Trung cấp

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/TLST-KDTM ngày 31/5/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/QĐXXST-KDTM ngày 16/10/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 469/2019/QĐST ngày 04/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà HM town 412 N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Tr – Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền ông Võ Minh H – Giám đốc trung tâm quản lý và thu hồi nợ; ông Vũ Văn S và ông Lại Thái Đ – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số 109 X, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội. (ông S, ông Đ có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X.

Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Số nhà 53, ngõ 221 phố T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ theo xác minh: Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị C – Giám đốc; Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh. Đại diện theo ủy quyền bà Vi Thị H – Phó giám đốc; địa chỉ 114 P, phường Tr, quận N, Thành phố Hà Nội. (bà C, bà H vắng mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Trọng Tuệ, Cư trú tại: Số nhà 130 Phùng Khoang, tổ dân phố 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm (địa chỉ cũ 151 đường P, thôn P, xã Tr, huyện T), Thành phố Hà Nội. Ông Tuệ đang chấp hành án phạt tù theo bản án số 05/2009/HSST ngày 19/10/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Tố Như; Cư trú tại: Phòng 304 K3, tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. (bà Như có mặt);

3.2 Chị Hoàng Thị Tuyết, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 44A Phùng Khoang, Tổ dân phố 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. (chị Tuyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 26/6/2009 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/9/2019 của đại diện theo ủy quyền Ngân hàng thương mại cổ phần B có nội dung:

Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần B – viết tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X (viết tắt Công ty X) đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0041/TDH-2008 ngày 29/4/2008, theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty X với mức vay tối đa là 2.000.000.000đồng; thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng; lãi suất 2,15% trong 6 tháng đầu và có điều chỉnh lãi suất theo lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ huy động thay đổi theo từng thời kỳ. Ngày 29/11/2008 Ngân hàng và Công ty X ký phụ lục hợp đồng số 0041/PLHĐ/GĐB-CNHN-PGDHK/2008 điều chỉnh lãi suất xuống 1,375%/tháng.

Ngày 29/4/2008, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: 1.200.000.000đồng theo khế ước nhận nợ 01/0041/THD-2008; ngày 05/5/2008, Ngân hàng giải ngân số tiền: 800.000.000đồng theo khế ước nhận nợ 02/0041/THD-2008.

Khoản bảo đảm tiền vay (điều 5 hợp đồng): Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bên vay đồng ý thế chấp tài sản của bên thứ ba: Quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất tại số 247, tờ bản đồ số 01 (địa chỉ thửa đất tại thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội), diện tích 105m² vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Tuệ, sinh năm 1968 (số CMND 011477610 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/11/2006). Địa chỉ mới: Số 130 Phùng Khoang, tổ dân phố 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở thỏa thuận các bên (Ngân hàng, Công ty X và ông Nguyễn Trọng Tuệ) đã xác lập Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 29/4/2009 tại văn phòng công chứng số 6 Thành phố Hà Nội; đăng ký thế chấp ngày 29/4/2008 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu thanh toán gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2019 là: 2.815.110.227đồng (gồm nợ gốc: 200.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 520.498.333đồng; lãi quá hạn: 800.580.000đồng; lãi phạt chậm lãi: 1.294.031.894đồng) kèm theo là bảng kê chi tiết.

Ngân hàng yêu cầu Công ty X phải thanh toán số tiền trên; nếu không thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa Nguyên đơn đã rút yêu cầu về phần lãi phạt chậm trả (khoản tiền 1.317.593.824đồng) chỉ yêu cầu phải thanh toán các khoản: nợ gốc 200.000.000đồng; lãi trong hạn (theo mức điều chỉnh giảm xuống 16,5% năm) đến ngày 28/4/2011 là 520.498.333đồng; khoản lãi quá hạn tính đến ngày 20/11/2019 là 809.380.000đồng. Tổng khoản nợ là: 1.529.878.333đồng (có bảng kê chi tiết kèm theo). Đồng thời yêu cầu trường hợp Công ty X không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn là Công ty X do bà Võ Thị C làm giám đốc đại diện theo pháp luật trốn tránh không có mặt. Ngày 22/12/2009 bà C đã ủy quyền cho bà Vi Thị H phó giám đốc công ty thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án, bà H có toàn quyền

quyết định xử lý và chịu trách nhiệm toàn bộ, thời gian ủy quyền từ 22/12/2009 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2009 bà H xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và vay số tiền 2.000.000.000đồng, xác nhận tính đến ngày 23/6/2009 còn nợ gốc và lãi là 1.822.565.983đồng, xin cam kết trả dần; Qua quan hệ kinh doanh ông Tuệ có vay của công ty số tiền 500.000.000đồng (BL124). Tại biên bản ghi ý kiến ngày 15/01/2010 bà H vẫn xác nhận nội dung như trên cam kết trả gốc và lãi chậm nhất là đến tháng 4/2010.

Về địa chỉ Công ty X bà H khai hoạt động tại 114 Phùng Khoang, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội; việc thay đổi trụ sở chưa đăng ký bà C vẫn là giám đốc công ty (các văn bản tố tụng thời điểm này được giao cho bà H tại 114 Phùng Khoang, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng Tuệ: tại lời khai ngày 23/12/2009 (tại Trại tạm giam Công an Thành phố Hà Nội) ông Tuệ khai qua chị Mai là mẹ chồng của Võ Thị C giám đốc Công ty X làm thủ tục vay tiền Ngân hàng Gia Định tôi có vay 500.000.000đồng chưa trả được gốc nhưng hàng tháng vẫn trả lãi. Tài sản tôi đem thế chấp là nhà đất tại địa chỉ 151 Phùng Khoang, Trung Văn, Từ Liêm; hiện căn nhà này đang cho thuê. Khi ký hợp đồng thế chấp tôi có đi cùng chị Mai (mẹ chồng chị C) và đại diện Ngân hàng ký tại phòng công chứng số 6 thành phố Hà Nội. Hiện tôi đang bị tạm giam nên không thể tham gia tố tụng được, tôi ủy quyền cho cháu ruột tôi là Hoàng Thị Tố Như, sinh năm 1973; trú tại phòng 304 – K3, tập thể Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội đại diện cho tôi tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Tôi bị Công ty X lừa, tôi chỉ vay 500.000.000đồng của công ty, việc Công ty X vay số tiền lớn hơn tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty X cùng tôi trả nợ cho Ngân Hàng. Ông Tuệ viết giấy ủy quyền ngày 23/12/2009 cho bà Hoàng Thị Tố Như (BL121). Trước đó ngày 17/02/2009 ông Tuệ đã viết giấy ủy quyền cho bà Như tại Trại tạm giam số 1 Công an Hà Nội có sự chứng kiến của Điều tra viên và Luật sư.

Bà Hoàng Thị Tố Như đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng Tuệ (BL141-142; 177) cho rằng ông Tuệ chỉ ký hợp đồng vay Công ty X

500.000.000đồng và không ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Đề nghị Tòa án xem xét việc công ty X giả mạo tài liệu và yêu cầu giám định chữ ký của bà Võ Thị C, ông Nguyễn Trọng Tuệ trong các hợp đồng đã ký.

Theo yêu cầu của bà Như và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Tuệ, Tòa án đã trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 951 ngày 18/6/2010 đã kết luận:

1/ Chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ trên:

- “Hợp đồng tín dụng trung dài hạn” số 0041/TDH-2008, đề ngày 29/4/2008, Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Hà Nội-Phòng giao dịch Hoàn Kiếm, Bên vay: Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X (Ký hiệu A1).

-“Hợp đồng thế chấp tài sản”, đề ngày 29/4/2008, Bên thế chấp đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ, Bên nhận thế chấp đứng tên Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Hà Nội-Phòng giao dịch Hoàn Kiếm (Ký hiệu A2).

Với chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ trên:

- 02 “Giấy ủy quyền” đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ, đề ngày 23/12/2009 (Ký hiệu M1), ngày 17/2/2009 (Ký hiệu M2).

- “Biên bản lấy lời khai” của Nguyễn Trọng Tuệ ngày 23/12/2009 (ký hiệu M3)

- “Hợp đồng vay tiền” số 01, không đề ngày tháng năm 2008, bên cho vay đứng tên Hoa Thị Mai, Bên vay đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ (Ký hiệu M4).

Là chữ do cùng một người ký.

2/Chữ ký đứng tên Võ Thị C trên:

- “Hợp đồng tín dụng trung dài hạn” số 0041/TDH-2008, đề ngày 29/4/2008, Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Hà Nội-Phòng giao dịch Hoàn Kiếm, Bên vay: Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X (Ký hiệu A1).

-“Hợp đồng thế chấp tài sản”, đề ngày 29/4/2008, Bên thế chấp đứng tên Nguyễn Trọng Tuệ, Bên nhận thế chấp đứng tên Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Hà Nội-Phòng giao dịch Hoàn Kiếm (Ký hiệu A2).

Với chữ ký đứng tên Võ Thị C trên:

-“Phụ lục hợp đồng tín dụng” số 0041, đề ngày 29/11/2008, Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Gia Định-Chi nhánh Hà Nội-Phòng giao dịch Hoàn Kiếm, Bên

vay: Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch và lắp giáp điện tử X (ký hiệu M5)

-“Khế ước nhận nợ”, đề ngày 29/4/2008 (Ký hiệu M6).

-04 “Ủy nhiệm chi”, gồm: số 01 ngày 29/4/2008, số 02 ngày 29/4/2008, số 01 ngày 05/5/2008, số 02 ngày 05/5/2008 (Ký hiệu M13-M16).

Là chữ do cùng một người ký.

3/ Chữ ký đứng tên Võ Thị C trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu M4 và từ M7 đến M12)

Là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp đóng dấu.

4/ Hình dấu “Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ du lịch và lắp giáp điện tử X” trên 02 tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) với hình dấu “Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ du lịch và lắp giáp điện tử X” trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu từ M13-M16) **là do cùng một con dấu in ra.**

Tại kết luận giám định bổ sung số: 1179/PC54 ngày 16/7/2010 (BL236-237) cũng xác định con dấu của “Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ du lịch và lắp giáp điện tử X” và chữ ký đóng dấu, chữ viết đứng tên Võ Thị C là chính xác như kết luận giám định số 951 ngày 18/6/2010.

Tại phiên tòa: bà Hoàng Thị Tô Như xác nhận không yêu cầu mời Luật sư và trình bày bà Như đã trả gốc 1.800.000.000đồng và tiền lãi thì không nhớ. Bà Như đề nghị sự việc xảy ra là do cán bộ Ngân hàng có lỗi nên đề nghị trả gốc, còn phần lãi đề nghị Ngân hàng giảm.

Chị Hoàng Thị Tuyết là người thuê nhà của ông Nguyễn Trọng Tuệ không có yêu cầu gì nhưng xin được thuê nhà đến khi nào Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản và xin được giải quyết vắng mặt.

Nội dung tranh tụng tại phiên tòa: Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm cán bộ Ngân hàng có lỗi vì ông Tuệ chỉ vay 500.000.000đồng và xin trả phần gốc, lãi xin được giảm. Phía nguyên đơn đưa ra căn cứ là hợp đồng tín dụng, các tài liệu giải ngân, đảm bảo khoản tiền vay đã được ông Tuệ thế chấp tài sản ký kết theo đúng trình tự pháp luật nên trường hợp Công ty X không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật như đã cam kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử, tuy nhiên vụ án đã để kéo dài do các đương sự trốn tránh, không hợp tác. Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự nhưng đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở phiên tòa hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên được ký kết đúng trình tự pháp luật nên có hiệu lực. Yêu cầu khởi kiện về khoản tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ. Phần yêu cầu lãi phạt chậm trả nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu về phần này. Đề nghị buộc Công ty X phải trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc 200.000.000đồng; lãi trong hạn (theo mức điều chỉnh giảm xuống 16,5% năm) đến ngày 28/4/2011 là 520.498.333đồng; khoản lãi quá hạn tính đến ngày 20/11/2019 là 809.380.000đồng. Tổng khoản nợ là: 1.529.878.333đồng. Trường hợp Công ty X không trả nợ thì tiếp tục phải chịu lãi suất theo thỏa thuận và Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[I] Về thẩm quyền và tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ giữa Ngân hàng và Công ty X có tranh chấp, thuộc trường hợp tranh chấp Kinh doanh thương mại, thời điểm nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

[2] Về những vấn đề tố tụng:

2.1 Về địa chỉ của bị đơn (Công ty X):

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 08/01/2007 thì địa chỉ trụ sở chính: số nhà 53 ngõ 21, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 (ngày 12/10/2007) thì trụ sở chính: số nhà 53 ngõ 21, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ địa điểm kinh doanh số 79 Hàng Bò, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 (ngày 10/4/2008) thì địa chỉ doanh nghiệp được ghi như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1.

Tại đăng ký thay đổi lần 2 có ghi địa chỉ chỗ ở của giám đốc Võ Thị C là Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Tại lời khai của bà Vi Thị H về địa chỉ Công ty X bà H khai hoạt động tại 114 Phùng Khoang, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội; việc thay đổi trụ sở chưa đăng ký.

Qua các tài liệu xác minh thì tại số nhà 53 ngõ 21, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ địa điểm kinh doanh số 79 Hàng Bò, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội không có trụ sở kho của doanh nghiệp tại những địa chỉ trên (BL 109, 113).

Xác minh tại địa chỉ Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (ngày 16/12/2009) thì chủ cho thuê nhà là bà Cao Thanh Huyền xác nhận Công ty X có thuê nhà làm trụ sở và đã được Ủy ban nhân dân phường Láng Thượng chứng thực.

Theo hợp đồng tín dụng ngày 24/4/2008 ghi văn phòng giao dịch của công ty X ở Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Từ những căn cứ trên xác định địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện là Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Các địa chỉ khác đều là không có thật nên các văn bản tố tụng đã được giao và niêm yết theo địa chỉ này.

Về địa chỉ của bà Võ Thị C đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp các tài liệu trong hồ sơ thể hiện:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm 2, xã Quỳnh Hương, Quỳnh Phụ, Thái Bình; chỗ ở hiện tại Số 109 C, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội, qua xác minh Công an xã Quỳnh Hương cho biết bà C đã chuyển khẩu đến xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội (BL 275). Xác minh ngày 24/9/2019 Công an phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm cho biết: địa chỉ 114 Phùng Khoang, xã Trung Văn đã

thay đổi, đã bán từ lâu bà Hoa Thị Mai đã bỏ trốn và hiện nay không có Võ Thị C, Vi Thị H sinh sống tại địa phương.

Theo biên bản xác minh ngày 14/12/2011 thì bà C và gia đình sinh sống tại địa chỉ số nhà 3, ngách 4, ngõ 192, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (BL 328); nhưng theo xác minh ngày 01/7/2019 thì bà C đã bán nhà đất bỏ đi, địa phương không biết đi đâu.

Như vậy, bà C là người luôn thay đổi địa chỉ, nên căn cứ vào kê khai địa chỉ của bà C tại đăng ký kinh doanh, tại hợp đồng tín dụng và các văn bản của công ty với Ngân hàng cần xác định địa chỉ pháp lý của bà C là 109 Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Do vậy các văn bản tố tụng được giao, niêm yết tại địa chỉ trên.

Về địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền: tại thời điểm ủy quyền theo tài liệu giao các văn bản tố tụng thì bà Vi Thị H có địa chỉ tại 114 Phùng Khoang, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội; nhưng theo tài liệu xác minh đã nêu ở trên thì bà Vi Thị H không sinh sống ở đó nhưng hiện tại không biết bà H sinh sống ở đâu nên các văn bản tố tụng niêm yết tại địa chỉ trên.

Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng sau khi thụ lý lại vụ án, bà C và bà H đều không có mặt, tuy tại văn bản ủy quyền cho bà H có nội dung ủy quyền trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, nhưng do bà C và bà H đều không có mặt nên Tòa án đưa cả hai người tham gia tố tụng trong vụ án.

2.2 Về thành viên của công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, giám đốc doanh nghiệp là Võ Thị C, thành viên góp vốn là Hoa Thị Mai, nhưng theo tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thì bà Hoa thị Mai đang bị truy nã (hiện chưa xác định bà Mai đang ở đâu), tuy nhiên thời điểm bà Mai là thành viên thì Công ty X chưa phát sinh quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

Theo đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 10/4/2008 thì thành viên công ty có sự thay đổi. Giám đốc doanh nghiệp là Võ Thị C, thành viên góp vốn là ông Nguyễn Quý Chính có địa chỉ xóm Tháp, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm (nay là phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm), Hà Nội. Nhưng theo tài liệu xác minh ngày 20/9/2019 thì ông Chính đã bán nhà đi khỏi địa phương; đi đâu địa phương không rõ.

Như vậy, thành viên góp vốn của doanh nghiệp hiện không có địa chỉ nên giám đốc doanh nghiệp có dấu hiệu trốn tránh Tòa án cũng không thể chỉ định thành viên khác làm đại diện theo quy định tại điều 13 Luật doanh nghiệp.

2.3 Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của Công ty X là bà Võ Thị C, đại diện theo ủy quyền là bà Vi Thị H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ căn cứ khoản 3 điều 228 và khoản 2 điều 227 Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bị đơn.

Chị Hoàng Thị Tuyết tuy có yêu cầu được giải quyết vắng mặt nhưng đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nên căn cứ khoản 3 điều 228 và khoản 2 điều 227 Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với chị Tuyết.

Văn phòng luật sư Bảo Hiến giai đoạn tố tụng trước đây tham gia bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Trọng Tuệ đã được thông báo về việc tham gia tố tụng và được gửi văn bản tại trụ sở văn phòng, nhưng không có phản hồi về việc tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bà Như xác nhận không mời Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Tuệ.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B, Công ty X và bên thế chấp ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0041/TDH-2008 ngày 29/4/2008 Ngân hàng đã giải ngân 2 lần; lần 1 số tiền: 1.200.000.000đồng theo khế ước nhận nợ 01/0041/THD-2008; lần 2 ngày 05/5/2008, Ngân hàng giải ngân số tiền: 800.000.000đồng theo khế ước nhận nợ 02/0041/THD-2008 với tổng số tiền gốc 2.000.000.000đồng tính đến nay hiện số nợ gốc còn 200.000.000đồng. Do bên vay không trả nợ nên phải thanh toán số tiền gốc và lãi theo hai hợp tín dụng và khế ước nhận nợ.

Theo các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì đến thời điểm xét xử (21/12/2019), khoản nợ của Công ty X như sau:

- Khoản nợ gốc 200.000.000đồng
- Các thì điểm và lãi suất được tính như sau:

Ngày vay 29/4/2008, ngày hết hạn 29/4/2011, ngày quá hạn 29/4/2009, lãi suất theo hợp đồng là 28,8%/năm nhưng được điều chỉnh xuống 16,5%/năm từ 01/12/2008. Do vậy lãi suất trong hạn còn nợ là 520.498.333đồng; lãi suất quá hạn (tính đến ngày 20/11/2019) là 809.380.000đồng. Tổng khoản nợ là: 1.529.878.333đồng.

Về khoản tiền phạt chậm trả tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/9/2019, yêu cầu này chưa được thụ lý. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2] Về tài sản thế chấp: hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực, do vậy căn cứ quy định tại các điều 351, 352, 355, 715, 716, 719, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; nghị định số 11/2012 NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của của nghị định số 163/2006 NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và các cam kết giữa các bên tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp thì trường hợp bên vay không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tài sản được mô tả trong hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất tại số 247, tờ bản đồ số 01 (địa chỉ thửa đất tại thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội), diện tích 105m² vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Tuệ, sinh năm 1968 (số CMND 011477610 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/11/2006) (Địa chỉ mới: Số 130 Phùng Khoang, tổ dân phố 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) và cũng theo cam kết tại hợp đồng thế chấp thì mọi công trình, diện tích do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp (điều 1, 4 hợp đồng thế chấp).

Về khoản vay của ông Tuệ đối với Công ty X và việc đại diện theo ủy quyền của ông Tuệ đã trả một phần của khoản nợ, thì ông Tuệ và người đại diện chưa có yêu cầu; hơn nữa đây là quan hệ dân sự giữa ông Tuệ, người đại diện ủy quyền của ông Tuệ với Công ty X nên giành quyền khởi kiện về dân sự cho ông Tuệ, người đại diện theo ủy quyền của ông Tuệ khi có yêu cầu. Việc ông Tuệ lấy tài sản đảm

bảo cho khoản vay của Công ty X, ông Tuệ cũng có quyền yêu cầu phải hoàn trả theo quy định của pháp luật dân sự.

[III] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, cụ thể:

Được áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 thì Công ty X phải chịu án phí đối với khoản nợ 1.529.878.333đồng, cụ thể là 36.000.000đồng + $(729.878.333 \times 3\% = 21.800.000đ) = 57.800.000đ$ ồng.

Ngân hàng B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.000.000đồng theo biên lai thu tiền ngày 13/7/2009 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 351, 352, 355, 715, 716, 719, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (Luật sửa đổi bổ sung năm 2004);

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; nghị định số 11/2012 NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của của nghị định số 163/2006 NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Cụ thể:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0041/TDH-2008 ngày 29/4/2008 và phụ lục hợp đồng số 0041/PLHĐ/GĐB-CNHN-PGDHK/2008 (tính đến ngày 20/11/2019) là:

1.529.878.333đồng (trong đó gốc 200.000.000đồng; lãi trong hạn 520.498.333đồng; lãi suất quá hạn là 809.380.000đồng).

Kể từ ngày 21/11/2019 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng, nếu có sự điều chỉnh lãi suất thì phải thực hiện việc điều chỉnh theo quy định của hợp đồng.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ các khoản nợ là quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 247, tờ bản đồ số 01 (địa chỉ thửa đất tại thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội), diện tích 105m² vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/2007 đứng tên ông Nguyễn Trọng Tuệ, sinh năm 1968 (số CMND 011477610 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/11/2006) (Địa chỉ mới: Số 130 P, tổ dân phố 5, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội).

Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ còn lại thì trả cho ông Nguyễn Trọng Tuệ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch và lắp ráp điện tử X phải chịu 57.800.000đồng.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.000.000đồng theo biên lai thu tiền ngày 13/7/2009 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Án xử sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần B và bà Như có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Các đương sự;
- Cục THA Dân sự TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hưng